



Thứ tư, ngày 13 tháng 3 năm 2019

Vietnam Daily Review

Bước tiến vững chắc

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/3/2019		•	
Tuần 11/3-15/3/2019		•	
Tháng 3/2019		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index tăng điểm trong phiên sáng, trong phiên chiều đã tăng giảm, chỉ số giảm nhẹ so với phiên sáng.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VHM (+2.24 điểm); VRE (+0.71 điểm); CTG (+0.62 điểm); SAB (+0.6 điểm); VCB (+0.45 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VIC (-0.77 điểm); NVL (-0.39 điểm); VNM (-0.26 điểm); GAS (-0.23 điểm); VJC (-0.16 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu ngành dịch vụ tài chính và tài nguyên cơ bản, thanh khoản tăng nhẹ so với phiên giao dịch ngày hôm qua.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên đạt 4,429.29 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên là 6.76 điểm. Thị trường có 168 mã tăng và 128 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 4.09 điểm, đóng cửa tại 1005.41 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 0.27 điểm lên 109.82 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 128.15 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VRE (61.69 tỷ), CTG (39.49 tỷ) và BID (33.73 tỷ). Bên cạnh đó, họ đã bán ròng 7.53 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index trong phiên sáng tăng điểm do lực mua lớn tập trung ở nhóm cổ phiếu bất động sản và ngân hàng như VHM, VRE, CTG, TCB và VIC. Trong phiên chiều, đã tăng giảm, bởi lực mua giảm ở nhóm cổ phiếu này cùng với đó là sự quay đầu giảm điểm của VIC. Khối ngoại mua ròng và thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước. Theo quan điểm của BSC, thị trường có 1 phiên tăng điểm nhẹ nhưng khá tích cực khi vẫn giữ được trên mốc 1000 điểm dù cho một số thị trường chứng khoán lớn ở châu Á nhuộm sắc đỏ sau thất bại về cuộc bỏ phiếu về thỏa thuận Brexit. Nhà đầu tư có thể mở vị thế ở những mã cổ phiếu có cơ bản tốt và cần thận quan sát những diễn biến kinh tế trong nước và thế giới trong thời gian tới.

Phân tích kỹ thuật:

SJS_Tăng giá

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **1005.41**
Giá trị: 4429.29 tỷ **4.09 (0.41%)**
Khối ngoại (ròng): 128.15 tỷ

HNX-INDEX **109.82**
Giá trị: 654.77 tỷ **0.27 (0.25%)**
Khối ngoại (ròng): -7.53 tỷ

UPCOM-INDEX **56.77**
Giá trị: 404.88 tỷ **0.2 (0.35%)**
Khối ngoại (ròng): -17.82 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	57.3	0.69%
Giá vàng	1,307	0.40%
Tỷ giá USD/VND	23,199	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,143	-0.56%
Tỷ giá JPY/VND	20,828	-0.03%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	3.8%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	61.7	HBC	56.5
CTG	39.5	VNM	38.1
BID	33.7	VJC	27.1
VCB	29.7	VIC	19.9
CII	25.1	IMP	15.1

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
iBroker	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

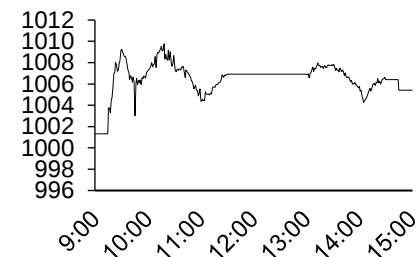
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
SAB	0.6	255.0	238.05	236.30	MUA	Tăng giá kéo dài
CTD	1.0	142.0	131.19	131.90	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VJC	6.4	119.8	119.71	117.00	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
NTC	0.5	119.0	103.37	102.50	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
VIC	6.5	117.5	115.90	113.10	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
PNJ	2.5	102.0	98.30	96.40	MUA	Tăng giá kéo dài
GAS	2.0	101.6	99.72	87.50	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
BVH	0.7	96.0	94.06	92.20	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
VHM	6.8	94.0	89.99	87.50	MUA	Tăng giá kéo dài
MWG	4.2	89.4	86.66	82.00	MUA	Tăng giá kéo dài

Đăng Quang

quangd@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

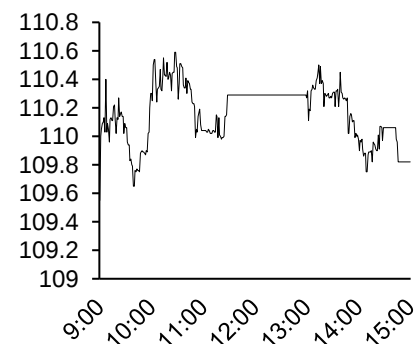
Phân tích kỹ thuật

SJS_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD đi ngang
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.
- Đường MA: 3 đường MA đều đi ngang.

Nhận định:SJS đang nằm trong giai đoạn tích lũy ngắn hạn trong kênh giá 21-23. Thanh khoản ba phiên giao dịch gần nhất duy trì xu hướng tăng và nằm trên ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên cho thấy lực hồi phục vẫn khá mạnh. Chỉ báo MACD ủng hộ xu hướng tích lũy trong khi chỉ báo RSI đang ủng hộ xu hướng hồi phục ngắn hạn từ ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 21. Vận động 3 đường MA cho thấy cổ phiếu đang nằm trong xu hướng tích lũy. Như vậy, SJS sẽ tích lũy ngắn hạn trong các phiên tới trước khi kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 26.5 (tương đương với Fibonacci 78.6%).



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1903	927.0	-0.3%	1.6%
VN30F1904	926.9	-0.2%	7.1%
VN30F1906	923.1	-60.0%	-60.0%
VN30F1909	923.5	-0.4%	11.4%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	22	2.3	1.2
TCB	27	1.3	1.1
VHM	94	1.8	0.9
HPG	34	1.5	0.9
VRE	38	3.0	0.7

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	118	-1	-0.7
NVL	61	-2	-0.6
VNM	138	-1	-0.4
VJC	120	-1	-0.3
FPT	46	-1	-0.2

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	34.50	5.5%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	15.70	24.6%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	63.90	-0.2%	58.9	73.6
4	PVD	9/1/2019	15.50	18.50	19.4%	14.3	17.8
5	VJC	25/1/2019	122.50	119.80	-2.2%	112.7	140.9
Trung bình					12.3%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	HCM	1/3/2019	22.3	31.00	39.0%	21.2	26.8
Trung bình					39.0%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	TCB	31/10/2018	26.9	27.2	0.9%	25.0	30.0
2	POW	12/4/2018	15.6	16.5	5.8%	14.4	18.7
Trung bình					3.3%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	89.4	1.0%	0.7	1,722	4.2	6,696	13.4	4.4	49.0%	38.7%	
PNJ	Bán lẻ	102.0	2.1%	0.9	741	2.5	5,874	17.4	4.5	49.0%	28.7%	
BVH	Bảo hiểm	96.0	0.2%	1.3	2,925	0.7	1,519	63.2	4.6	24.8%	7.3%	
PVI	Bảo hiểm	35.2	0.0%	0.7	354	0.0	2,230	15.8	1.2	43.9%	7.6%	
VIC	Bất động sản	117.5	-0.9%	1.1	16,305	6.5	1,126	104.4	6.7	9.2%	8.0%	
VRE	Bất động sản	37.8	3.0%	1.1	3,827	8.0	1,033	36.6	3.1	32.0%	8.8%	
NVL	Bất động sản	61.2	-2.1%	0.8	2,476	1.0	3,452	17.7	2.9	6.9%	20.1%	
REE	Bất động sản	34.5	-0.6%	1.1	465	1.1	5,753	6.0	1.1	49.0%	20.6%	
DXG	Bất động sản	24.5	-0.8%	1.4	373	1.1	3,415	7.2	1.7	49.0%	26.7%	
SSI	Chứng khoán	29.4	2.1%	1.3	651	3.4	2,611	11.3	1.6	59.7%	14.8%	
VCI	Chứng khoán	42.2	0.5%	1.0	299	0.3	5,047	8.4	1.9	41.3%	24.7%	
HCM	Chứng khoán	31.0	5.8%	1.5	407	2.5	2,650	11.7	2.6	59.7%	23.1%	
FPT	Công nghệ	46.2	-0.6%	0.9	1,232	2.0	4,280	10.8	2.3	49.0%	21.9%	
FOX	Công nghệ	50.0	0.0%	0.4	492	0.0	3,453	14.5	3.7	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	101.6	-0.3%	1.5	8,455	2.0	6,216	16.3	4.3	3.5%	27.8%	
PLX	Dầu khí	61.8	-0.3%	1.5	3,114	6.3	3,203	19.3	3.5	10.9%	18.1%	
PVS	Dầu khí	21.4	-0.9%	1.7	445	1.8	2,185	9.8	0.9	25.9%	9.5%	
BSR	Dầu khí	13.9	-0.7%	0.8	1,874	1.8	#N/A	N/A	N/A	N/A	41.1%	23.0%
DHG	Dược	117.0	0.4%	0.6	665	0.4	4,448	26.3	4.9	44.7%	19.8%	
DPM	Hóa chất	20.5	-1.2%	0.7	349	0.4	1,551	13.2	1.0	23.0%	8.8%	
DCM	Hóa chất	9.2	-0.3%	0.7	212	0.2	1,115	8.3	0.8	3.1%	9.5%	
VCB	Ngân hàng	65.2	0.6%	1.3	10,514	4.7	4,070	16.0	3.7	23.5%	25.2%	
BID	Ngân hàng	35.6	0.3%	1.6	5,292	4.4	2,152	16.5	2.4	3.1%	15.1%	
CTG	Ngân hàng	22.6	2.0%	1.6	3,651	14.3	1,456	15.5	1.3	29.5%	8.3%	
VPB	Ngân hàng	22.0	2.3%	1.2	2,350	4.3	2,989	7.4	1.6	23.2%	22.8%	
MBB	Ngân hàng	22.6	0.2%	1.2	2,123	5.9	2,829	8.0	1.5	20.0%	20.1%	
ACB	Ngân hàng	31.4	1.6%	1.1	1,703	7.5	4,119	7.6	1.9	34.3%	27.7%	
BMP	Nhựa	53.1	0.2%	0.9	189	0.3	5,230	10.2	1.8	76.1%	17.5%	
NTP	Nhựa	38.0	0.3%	0.3	147	0.0	3,715	10.2	1.5	22.5%	15.3%	
MSR	Tài nguyên	21.2	1.4%	1.2	829	0.2	229	92.7	1.7	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	34.4	1.5%	1.1	3,172	4.8	4,037	8.5	1.8	39.9%	23.6%	
HSG	Thép	9.2	-2.6%	1.5	154	2.2	355	26.0	0.7	15.8%	2.6%	
VNM	Tiêu dùng	138.3	-0.5%	0.8	10,471	3.7	5,294	26.1	9.3	59.5%	37.5%	
SAB	Tiêu dùng	255.0	1.2%	0.8	7,110	0.6	6,334	40.3	10.9	9.7%	29.4%	
MSN	Tiêu dùng	89.0	0.6%	1.2	4,501	3.9	4,578	19.4	3.5	42.2%	22.2%	
SBT	Tiêu dùng	19.2	-0.5%	0.6	438	1.1	447	43.0	1.8	11.7%	4.1%	
ACV	Vận tải	86.5	-1.3%	0.8	8,188	0.5	1,883	45.9	6.9	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	119.8	-0.6%	1.1	2,821	6.4	9,632	12.4	4.7	21.7%	42.6%	
HVN	Vận tải	40.8	-1.0%	1.7	2,516	2.0	1,727	23.6	3.3	9.5%	14.6%	
GMD	Vận tải	28.2	1.6%	0.9	363	1.5	6,153	4.6	1.4	49.0%	29.4%	
PVT	Vận tải	17.7	0.6%	0.7	217	0.6	2,317	7.6	1.2	33.0%	16.9%	
VCS	Vật liệu xây dựng	66.9	0.6%	0.9	456	0.4	5,917	11.3	3.8	2.5%	43.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	21.6	-0.9%	0.9	421	1.2	1,254	17.2	1.5	15.0%	9.0%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.7	0.0%	0.8	260	0.2	1,681	9.3	1.2	6.0%	12.4%	
CTD	Xây dựng	142.0	0.1%	0.8	472	1.0	18,357	7.7	1.4	46.4%	18.8%	
VCG	Xây dựng	28.4	-1.4%	1.2	545	1.6	1,021	27.8	1.9	0.0%	7.5%	
CII	Xây dựng	24.7	3.3%	0.5	266	3.5	334	74.0	1.2	51.3%	1.6%	
POW	Điện	16.5	0.9%	0.6	1,680	2.0	716	23.1	1.6	15.4%	6.8%	
NT2	Điện	29.2	-1.0%	0.6	365	0.3	2,618	11.2	2.3	23.4%	17.4%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	94.00	1.84	1.74	1.65MLN
VRE	37.80	3.00	0.78	4.92MLN
SAB	255.00	1.19	0.59	54140.00
CTG	22.55	2.04	0.51	14.62MLN
VCB	65.20	0.62	0.45	1.68MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	31.40	1.62	0.62	5.47MLN
NVB	8.70	2.35	0.06	1.28MLN
SHS	12.00	3.45	0.05	2.22MLN
MBS	16.20	6.58	0.03	876300.00
SHN	9.40	2.17	0.02	10600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	117.50	-0.93	-1.07	1.26MLN
VNM	138.30	-0.50	-0.37	616010.00
NVL	61.20	-2.08	-0.37	359170.00
GAS	101.60	-0.29	-0.18	452730.00
VJC	119.80	-0.58	-0.12	1.22MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	7.90	-2.47	-0.21	15.34MLN
DGC	43.00	-2.93	-0.09	291800.00
PVS	21.40	-0.93	-0.05	1.87MLN
VGC	21.60	-0.92	-0.04	1.24MLN
HUT	3.90	-4.88	-0.04	2.72MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TLD	7.49	7.00	0.00	1.25MLN
DAH	6.75	6.97	0.01	726710.00
DCL	17.65	6.97	0.02	176190.00
VAF	9.84	6.96	0.01	10.00
TIP	17.70	6.95	0.01	41090.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	1.00	11.11	0.00	220100.00
KSQ	2.20	10.00	0.01	88600.00
HAD	28.90	9.89	0.01	11600.00
VE1	11.20	9.80	0.00	1100.00
PSE	10.10	9.78	0.00	3100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
YEG	137.30	-6.98	-0.10	21710.00
C47	11.95	-6.64	0.00	146610.00
YBM	12.00	-6.61	0.00	348220.00
MDG	12.90	-6.52	0.00	1040.00
CCI	12.00	-6.25	0.00	100.00

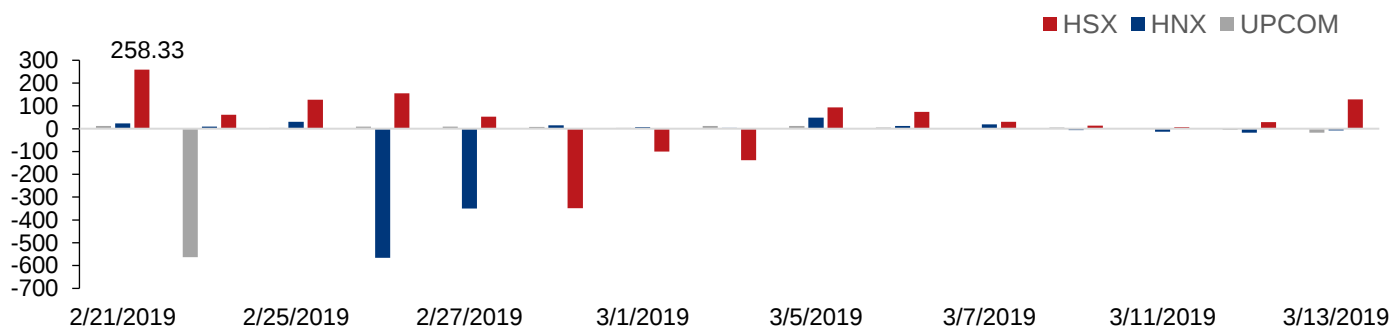
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.70	-12.50	-0.01	232400.00
PBP	12.70	-9.93	0.00	1600.00
GDW	23.80	-9.85	-0.01	100.00
DTD	11.00	-9.84	-0.02	525500.00
SDA	4.60	-9.80	-0.01	200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
12	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
13	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
14	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
15	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
16	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
17	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	VHC	Thủy sản	Theo dõi	20/12/2018	85.9	108.6	93.3	15,644	6.0	2.1	Click	
2	CSV	Hóa chất	Mua	19/12/2018	29.9	36.6	31.3	5,695	5.5	1.7	Click	
3	CMG	Công nghệ	Theo dõi	13/12/2018	24.4	27.0	30.9	1,677	18.4	2.1	Click	
4	VSC	Cảng biển	Mua	12/12/2018	42.6	50.4	43.9	5,995	7.3	1.3	Click	
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/12/2018	14.5	18.1	15.4	1,591	9.6	0.8	Click	
6	HPG	Thép	Nắm giữ	11/12/2018	33.8	38.0	34.4	4,037	8.5	1.8	Click	
7	PVT	Vận tải	Mua	28/11/2018	16.1	21.7	17.7	2,317	7.6	1.2	Click	
8	MWG	Bán lẻ	Mua	22/11/2018	84.8	124.0	89.4	6,696	13.4	4.4	Click	
9	BMP	Nhựa	Nắm giữ	20/11/2018	55.3	60.8	53.1	5,230	10.2	1.8	Click	
10	VNM	Thực phẩm	Theo dõi	19/11/2018	115.0	124.3	138.3	5,294	26.1	9.3	Click	
11	PNJ	Bán lẻ	Mua	15/11/2018	93.5	130.7	102.0	5,874	17.4	4.5	Click	
12	FPT	Công nghệ	Mua	14/11/2017	41.7	59.1	46.2	4,280	10.8	2.3	Click	
13	DRC	Cao su	Mua	14/11/2018	21.3	27.2	24.0	1,167	20.5	1.9	Click	
14	TCM	Dệt may	Nắm giữ	13/11/2018	25.5	26.6	33.0	4,070	8.1	1.4	Click	
15	ANV	Thủy sản	Theo dõi	11/2/2018	25.9	28.3	27.7	4,811	5.7	1.9	Click	
16	CTD	Xây dựng	Mua	11/5/2018	151.5	177.9	142.0	18,357	7.7	1.4	Click	
17	HDG	Bất động sản	Mua	10/9/2017	38.3	50.2	41.9	7,493	5.6	2.3	Click	
18	GMD	Cảng biển	Mua	10/5/2018	28.4	36.8	28.2	6,153	4.6	1.4	Click	
19	EVE	Dệt may	Nắm giữ	10/2/2018	16.0	18.2	15.8	1,929	8.2	0.7	Click	
20	RAL	Tiêu dùng	Mua	21/9/2018	103.8	124.2	88.0	17,772	5.0	1.2	Click	



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express HT1 2019Q1	12/3/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 18,000. BSC dự báo doanh thu 2019 đạt 8,678 tỷ (+3.6% YoY) với giả định sản lượng tiêu thụ tăng nhẹ 2% YoY, đạt 6.94 triệu tấn xi măng., LNST dự báo đạt 701.4 tỷ (+8.8% YoY), EPS = 1,654 đồng/CP, P/E fw = 9.97x.
Express VHM 2019Q1	4/3/2019	BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ lần lượt đạt 80,063 tỷ đồng (+223% yoy) và 18,412 tỷ đồng (+14.5% yoy), EPS 2019FW = 5,496 đồng/cp. Chúng tôi lưu ý doanh thu kể trên đã bao gồm từ các dự án BCC. Hiện tại với thị giá ngày 19/02/2019, mức PE FW 2019 của VHM là 15.8 lần.
Express DBC 2019Q1	12/3/2019	Kế hoạch 2019 Dự kiến LNST đạt 356 tỷ (-1% YoY): 306 tỷ từ hoạt động cốt lõi, 50 tỷ từ dự án Lạc Vệ. Kết thúc năm 2018, DBC ghi nhận 6,674 tỷ DT (+14% YoY) và 360 tỷ LNST (+80% YoY). Cơ cấu DT: TACN (~45% DT); Chăn nuôi lợn (~26% DT); Chăn nuôi gà (~9% DT); Khác (~20% DT).
PC1 2019Q1	28/2/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28,910. Năm 2019, PC1 dự kiến sẽ không ghi nhận doanh thu BĐS như năm 2018 do chậm tiến độ ở dự án PC1- Thanh Xuân..Doanh thu kế hoạch đề ra ở mức 6,229 tỷ đồng (+55% yoy). Lợi nhuận hoạt động cốt lõi ở mức 436 tỷ đồng tăng 42% yoy.
Express Note PHR	4/3/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 44,600. Chúng tôi dự báo, DTT và LNST của PHR trong năm 2019 đạt 1,531.5 tỷ đồng (-2% yoy) và 1,189.2 tỷ đồng (+91% yoy), tương đương với EPS 2019 = 8,644 đồng/cp với giả định (1) giá bán cao su là 33 triệu đồng/tấn và (2) giá bán gỗ cao su đạt 300 triệu đồng/ha (tương đương giá bán năm 2018).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

